TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
Tỉnh Thái Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 28/4/2023
V/v: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Mã Siêu.
2. Bà Tô Thị Hương.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 218/2022/TLST- HNGĐ ngày 25/11/2023 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXX- ST ngày 21/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/4/2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Mai A, sinh năm 2001
Địa chỉ: TDP P, thị trấn T, huyện H, Thái Bình.
- *Bị đơn*: Anh Mai Văn Q, sinh năm 1996
Địa chỉ: TDP P, thị trấn T, huyện H, Thái Bình.
(Chị Anh, anh Q có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vũ Mai A trình bày: Chị Mai A và anh Q kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, Thái Bình ngày 18/9/2020. Sau khi kết hôn chị Mai A và anh Q chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay chị Mai A và anh Q sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị

Mai A đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị Mai A được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị Mai A và anh Q có một con chung là Mai Hà A, sinh ngày 20/02/2021. Sau khi ly hôn chị Mai A xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị Mai A yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mai A là 1.500.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai A và anh Q không có tài sản chung là nhà và đất, không nợ ai và không cho ai vay nợ. Tuy nhiên khi chị Mai A và anh Q kết hôn, mẹ đẻ anh Q có trao cho vợ chồng chị 2 chỉ vàng 9999, anh trai anh Q trao cho vợ chồng chị 2,5 chỉ vàng 9999. Chị xác định đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng sau khi cưới chị Mai A đã đưa cho mẹ chồng 10.000.000đồng, còn toàn bộ 4,5 chỉ vàng chịMai A đã bán đi để mua thuốc men, đóng tiền học và mua sữa cho con, vì từ khi chịMai A và anh Q sống ly thân, con chung do chị nuôi dưỡng, mọi chi phí sinh hoạt của con đều do một mình chị Mai A lo liệu nên chị đã phải bán vàng đi để lo cho con. Nay số vàng đó không còn, chị Mai A không đồng ý với anh Q về việc đòi lại 4,5 chỉ vàng 9999.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, Bị đơn là anh Mai Văn Q trình bày: Anh Q và chị Mai A kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, Thái Bình ngày 18/9/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay anh Q và chị Mai A sống ly thân. Nay chị Mai A có đơn xin ly hôn anh Q, xác định vợ chồng không thể chung sống được với nhau nên anh Q cũng đồng ý ly hôn với chị Mai A.

Về con chung: Anh Q và chịMai A có 01 con chung là Mai Hà A, sinh ngày 20/02/2021. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung sống cùng chịMai A. Sau khi ly hôn anh Q đồng ý để con chung cho chị Mai A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Anh mỗi tháng là 1.500.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q và chị Mai A không có tài sản chung nhưng khi cưới nhau mẹ anh Q có trao cho hai vợ chồng anh Q 02 chỉ vàng, anh trai anh Q trao cho hai vợ chồng 2,5 chỉ vàng đều là 9999, vợ chồng ly hôn anh đề nghị chị Mai A phải trả cho anh 4,5 chỉ vàng 9999. Về nợ chung: Anh và chị Mai A không nợ ai và không cho ai vay nợ .

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Vũ Mai A được ly hôn anh Mai Văn Q; về con chung: Giao con chung Mai Hà A, sinh ngày

20/02/2021 cho chị Vũ Mai A trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chịMai A 1.500.000đồng/01 tháng; về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh Q về việc đòi chịMai A phải trả cho anh Q 4,5 chỉ vàng 9999; về án phí: Chị Vũ Mai A và anh Mai Văn Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Mai Văn Q có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại các Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Vũ Mai A và anh Mai Văn Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Mai A và anh Mai Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 18/9/2020. Tại thời điểm kết hôn, chịMai A và anh Q đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chịMai A và anh Q chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp. Từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay chịMai A và anh Q sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chịMai A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Q vì tình cảm vợ chồng không còn. Bị đơn là anh Q cũng đồng ý ly hôn với chịMai A. Như vậy, hôn nhân của chịMai A và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn giữa chịMai A và anh Q là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Mai A và anh Mai Văn Q.

[2.2]. Về con chung: Chị Mai A và anh Q có 01 con chung là Mai Hà A, sinh ngày 20/02/2021. Sau khi ly hôn chịMai A xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chịMai A là 1.500.000đồng/01 tháng. Anh Q cũng đồng ý để con chung cho chịMai A trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chịMai A là 1.500.000đồng. Xét thấy, chịMai A và anh Q không có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận giữa chịMai A và anh Q về việc nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung Mai Hà A, sinh ngày 20/02/2021 cho chị Vũ Mai A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Mai Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chịMai A là 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2023 cho đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ: Cả anh Q và chị Mai A đều trình bày vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ. Tuy nhiên theo anh Q khi vợ chồng kết hôn mẹ đẻ anh có trao cho vợ chồng anh Q 2 chỉ vàng, anh trai anh trao cho vợ chồng anh 2,5 chỉ vàng đều 9999. Sau khi ly hôn anh Q yêu cầu chị Mai A phải trả số vàng trên cho anh Q. ChịMai A trình bày có số vàng như anh Q trình bày, số vàng này được trao cho hai vợ chồng chứ không phải cho một mình anh Q. ChịMai A xác định 4,5 chỉ vàng 9999 là tài sản chung của vợ chồng chị Mai A và anh Q. Tuy nhiên số vàng trên chị Mai A đã bán đi để đóng tiền học, mua sữa và lo thuốc men cho con. Vì từ khi chị Mai A và anh Q sống ly thân, con chung do chị nuôi dưỡng, mọi chi phí sinh hoạt cũng như đóng tiền học cho con đều do một mình chị lo liệu. Nay anh Q đòi số vàng trên thì chịMai A không nhất trí. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình thì: " Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung, tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung". " Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng". Tại khoản 3 Điều 33 quy định: " Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung". Xét thấy, 4,5 chỉ vàng 9999 là quà cưới chung của vợ chồng anh Q và chịMai A, cả anh Q và chịMai A đều xác định được gia đình anh Q tặng cho trong ngày cưới của hai vợ chồng, anh Q không chứng minh được đó là tài sản riêng của anh Q. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định 4,5 chỉ vàng 9999 là tài sản chung của chịMai A và anh Q được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, khi chịMai A và anh Q sống ly thân thì con chung do chịMai A nuôi dưỡng, số vàng trên chịMai A đã bán đi để đóng tiền học, mua sữa và mua thuốc cho con chung của chịMai A và anh Q là cháu Mai Hà A. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Mai Văn Q về việc đòi chị Vũ Mai A phải trả cho anh Q 4,5 chỉ vàng 9999.

[2.4]. Về án phí: Chị Vũ Mai A và anh Mai Văn Q thuận tình ly hôn và thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con trong quá trình hòa giải tại Tòa án. Theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì anh Q và chịMai A phải chịu 50% mức án phí ly hôn sơ thẩm và anh Q phải chịu 50% mức án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung. Chị Vũ Mai A tự nguyện nộp cả số tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q. Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326, Anh Mai Văn Q còn phải chịu án phí đối với yêu cầu đòi lại tài sản là 4,5 chỉ vàng 9999 không được chấp nhận. Tại thời điểm ngày 28/4/2023, 01 chỉ vàng 9999 có giá là 5.500.000đồng x 4,5 chỉ vàng = 24.750.000đồng.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 33, 51, 53, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 26, Điểm a, khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Mai A và anh Mai Văn Q.

2/ Về con chung: Giao cho chị Vũ Mai A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Mai Hà A, sinh ngày 20/02/2021. Anh Mai Văn Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Mai A 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Anh Mai Văn Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh Mai Văn Q về việc đòi chị Vũ Mai A phải trả cho anh Mai Văn Q 4,5 chỉ vàng 9999.

4/ Về án phí: Chị Vũ Mai A tự nguyện nộp cả 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chịMai A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002566 ngày 25/11/2022.

Anh Mai Văn Q phải nộp 1.237.000đồng (Một triệu hai trăm ba mươi bẩy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) anh Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002320 ngày 09/3/2023. Anh Q còn phải nộp tiếp số tiền 637.000đồng (Sáu trăm ba mươi bẩy nghìn đồng).

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/4/2023).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chu Thị Linh